

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya
(Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Công ty Cổ Phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006

do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010

do Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp

Giấy phép Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên
	Ông Shen San Yi	Thành viên
	Ông Wang Ting Shu	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Wang Ting Shu	Tổng giám đốc
	Ông Chiu Chin Teng	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Trụ sở chính	Khu Công nghiệp Biên Hòa II
	Tỉnh Đồng Nai Việt Nam

Chi nhánh	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam
------------------	--

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 7 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-192

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó tổng giám đốc

Chang Hung Chun
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2011

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		543.912.861.198	602.613.058.087
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	86.465.877.161	188.699.721.924
Đầu tư ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
Các khoản phải thu	130		194.790.578.749	205.107.570.233
Phải thu thương mại	131		192.392.290.673	205.034.587.108
Trả trước cho người bán	132		2.697.987.445	393.458.600
Phải thu khác	135		599.170.551	578.394.445
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(898.869.920)	(898.869.920)
Hàng tồn kho	140	4	246.730.756.126	197.092.602.553
Hàng tồn kho	141		249.433.886.405	201.837.022.498
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.703.130.279)	(4.744.419.945)
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.925.649.162	9.713.163.377
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.125.768.625	729.867.477
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.731.748.250	6.865.963.613
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	154		1.598.632.287	1.598.632.287
Tài sản ngắn hạn khác	158		469.500.000	518.700.000
Tài sản dài hạn	200		175.237.454.806	182.456.296.949
Tài sản cố định	220		170.927.451.895	177.376.863.272
Tài sản cố định hữu hình	221	5	170.618.589.825	177.341.576.572
Nguyên giá	222		430.640.348.045	427.684.518.913
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(260.021.758.220)	(250.342.942.341)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	6	308.862.070	35.286.700
Tài sản dài hạn khác	260		4.310.002.911	5.079.433.677
Chi phí trả trước dài hạn	261	7	2.824.534.458	3.031.797.453
Tài sản thuế hoãn lại	262	8	1.485.468.453	2.047.636.224
TỔNG TÀI SẢN	270		719.150.316.004	785.069.355.036

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		485.631.594.436	572.289.819.497
Nợ ngắn hạn	310		485.326.084.863	571.960.479.474
Vay ngắn hạn	311	9	267.129.980.285	357.304.741.548
Phải trả thương mại	312	10	189.556.583.559	167.877.879.000
Người mua trả tiền trước	313		20.094.887.012	31.863.615.553
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	11	4.148.165.799	8.459.377.712
Phải trả nhân viên	315		2.704.493.939	4.520.045.585
Chi phí phải trả	316		1.466.731.496	1.649.756.374
Phải trả khác	319		225.242.773	285.063.702
Nợ dài hạn	330		305.509.573	329.340.023
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	12	305.509.573	329.340.023
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		233.518.721.568	212.779.535.539
Vốn chủ sở hữu	410		233.518.721.568	212.779.535.539
Vốn cổ phần	411	13	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu ngân quỹ	414	13	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	417	14	21.553.609.319	21.553.609.319
Lỗi lũy kế	420		(66.775.818.388)	(87.515.004.417)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		719.150.316.004	785.069.355.036

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Tổng doanh thu	01	15	736.394.376.954	465.251.186.441
Các khoản giảm trừ	02		(893.172.360)	(630.126.486)
Doanh thu thuần	10		735.501.204.594	464.621.059.955
Giá vốn hàng bán	11		(643.400.312.605)	(425.372.235.582)
Lợi nhuận gộp	20		92.100.891.989	39.248.824.373
Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	11.029.835.386	3.899.646.344
Chi phí tài chính	22	17	(63.442.569.447)	(30.515.746.984)
Chi phí bán hàng	24		(9.278.942.443)	(8.797.578.654)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(13.007.287.414)	(11.393.024.846)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.401.928.071	(7.557.879.767)
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		3.915.702.816	2.195.082.257
Chi phí khác	32		(16.277.087)	(379.239)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50		21.301.353.800	(5.363.176.749)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	18	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	18	(562.167.771)	(373.782.760)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần	60		20.739.186.029	(5.736.959.509)
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	19	744	(206)

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011**

	Vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ	Quỹ và dự trữ VNĐ	Lỗ lũy kế VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	279.013.770.637	(272.840.000)	21.141.803.086	(110.128.353.882)	189.754.379.841
Phân bổ vào các quỹ	-	-	411.806.233	(411.806.233)	-
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(5.736.959.509)	(5.736.959.509)
Số dư ngày 1 tháng 7 năm 2011	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(116.277.119.624)	184.017.420.332
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	28.762.115.207	28.762.115.207
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(87.515.004.417)	212.779.535.539
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	20.739.186.029	20.739.186.029
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(66.775.818.388)	233.518.721.568

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung Ming
*Kế toán trưởng*Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		21.301.353.800	(5.363.176.749)
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao và phân bổ	02		13.544.456.676	15.773.301.088
Dự phòng	03		(2.041.289.666)	4.795.162.558
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		10.383.723.470	(6,380,811,861)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(49.712.000)	(16.631.100)
Thu lãi tiền gửi	05		(7.461.961.028)	(3.518.760.289)
Chi phí lãi vay	06		7.962.870.338	7.282.744.717
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		43.639.441.590	12.571.828.364
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		4.040.394.068	(41.718.322.289)
Biến động hàng tồn kho	10		(47.596.863.907)	7.460.016.319
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		3.927.803.037	30.811.302.977
			4.010.774.788	9.124.825.371
Lãi vay đã trả	13		(8.249,360.671)	(7.240.263.957)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(435.657.354)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh	20		(4.238.585.883)	1.448.904.060
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(6.887.782.304)	(4.031.460.822)
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	22		49.712.000	16.631.100
Đầu tư ngắn hạn	25		2.000.000.000	(2.000.000.000)
Thu lãi tiền gửi	27		7.461.961.028	3.518.760.289
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động đầu tư	30		2.623,890.724	(2.496.069.433)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		221.925.476.219	287.827.912.821
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(322.544.625.823)	(285.449.407.289)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính	40		(100.619.149.604)	2.378.505.532
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(102.233.844.763)	1.331.340.159
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		188.699.721.924	123.482.055.074
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3	86.465.877.161	124.813.395.233

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2011

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị lập báo cáo

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập chi nhánh, bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty có 439 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 467 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ tài chính về việc trình bày các công cụ tài chính

Kể từ ngày 1 tháng năm 2011, Công ty đã áp dụng các yêu cầu của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc trình bày và công bố các công cụ tài chính (“Thông tư 210”) phi hồi tố. Việc áp dụng Thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu trong việc định giá hoặc trình bày các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh trong báo cáo tài chính này theo yêu cầu của Thông tư 210 không gồm các thuyết minh số liệu so sánh do Công ty áp dụng phi hồi tố thông tư này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tài sản và nợ tiền tệ có gốc tiền tệ khác với VNĐ được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá qui định tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại tiền khác VNĐ trong năm được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá qui định tại ngày giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện được ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam Số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái.*

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà xưởng và vật kiến trúc	7 – 35 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ Thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ Tài sản khác	2 – 7 năm

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ gôn

Phí hội viên câu lạc bộ gôn được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 37 năm đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ sử dụng trên một năm được ghi nhận như trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian từ một đến ba năm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(j) Phải trả thương mại và phải trả khác

Phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh đến nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đo.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có sự không chắc chắn đáng kể liên quan khả năng thu hồi công nợ hoặc có khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(n) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hay lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và bán cáp điện và tại bộ phận địa lý duy nhất là Việt Nam.

(q) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.102.518.000	892.184.200
Tiền gửi ngân hàng	41.363.359.161	63.791.182.159
Các khoản tương đương tiền	44.000.000.000	124.016.355.565
	<hr/>	<hr/>
	86.465.877.161	188.699.721.924
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 có số tiền bằng ngoại tệ tương đương 4.723 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 12.602 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2011 (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Hàng mua đang đi đường	64.262.480.742	46.643.876.869
Nguyên vật liệu	32.247.109.485	28.023.834.261
Sản phẩm dở dang	38.227.591.295	32.048.791.312
Thành phẩm	114.696.704.883	95.120.520.056
	<hr/>	<hr/>
	249.433.886.405	201.837.022.498
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.703.130.279)	(4.744.419.945)
	<hr/>	<hr/>
	246.730.756.126	197.092.602.553
	<hr/>	<hr/>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	1/1/2011 đến	1/1/2010 đến
	30/6/2011	30/6/2010
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu kỳ	4.744.419.945	4.576.774.437
Tăng dự phòng trong kỳ	331.474.104	4.548.647.764
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.372.763.770)	(83.571.965)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.703.130.279	9.041.850.236
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	144.621.202.869	263.453.816.996	8.632.627.892	3.215.122.757	7.761.748.399	427.684.518.913
Tăng trong kỳ	-	2.583.102.798	-	-	-	2.583.102.798
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	28.005.500	4.003.098.636	-	-	-	4.031.104.136
Thanh lý	-	(3.647.424.177)	-	-	(10.953.625)	(3.658.377.802)
Số dư cuối kỳ	144.649.208.369	266.392.594.253	8.632.627.892	3.215.122.757	7.750.794.774	430.640.348.045
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	56.781.708.367	177.687.830.802	7.965.627.329	2.274.702.636	5.633.073.207	250.342.942.341
Khấu hao trong kỳ	2.843.500.860	9.483.275.423	257.374.638	160.988.902	592.053.858	13.337.193.681
Thanh lý	-	(3.647.424.177)	-	-	(10.953.625)	(3.658.377.802)
Số dư cuối kỳ	59.625.209.227	183.523.682.048	8.223.001.967	2.435.691.538	6.214.173.440	260.021.758.220
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	87.839.494.502	85.765.986.194	667.000.563	940.420.121	2.128.675.192	177.341.576.572
Số dư cuối kỳ	85.023.999.142	82.868.912.205	409.625.925	779.431.219	1.536.621.334	170.618.589.825

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 124.386 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 123.150 triệu VNĐ), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2011 (tiếp theo)

6. Xây dựng cơ bản dở dang

	1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ	35.286.700	-
Tăng trong kỳ	4.304.679.506	2.424.722.007
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.031.104.136)	(796.241.107)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	308.862.070	1.628.480.900

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ gôn VNĐ	Công cụ dụng cụ VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu kỳ	1.822.849.291	1.208.948.162	3.031.797.453
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(178.838.715)	(207.262.995)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.794.425.011	1.030.109.447	2.824.534.458

8. Tài sản thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tài sản cố định	228.080.685	207.346.077
Dự phòng	494.260.716	846.492.724
Lỗ tính thuế mang sang được ghi nhận	731.742.825	731.742.825
Khác	31.384.227	262.054.598
	<hr/>	<hr/>
	1.485.468.453	2.047.636.224

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

9. Vay ngắn hạn

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn	267.129.980.285	351.531.641.212
Vay dài hạn đến hạn trả	-	5.773.100.336
	<hr/>	<hr/>
	267.129.980.285	357.304.741.548
	<hr/>	<hr/>

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên năm	30/6/2011	31/12/2010
			VNĐ	VNĐ
Ngân hàng Taipei Fubon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	USD6.000.000	SIBOR+1,15%	16.291.950.209	16.185.429.687
Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hà Nội (b)	USD10.000.000	SIBOR+1,15%	-	22.453.493.044
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	USD6.000.000	SIBOR+1,15%	51.117.472.162	84.423.245.528
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Hai Duong (b)	USD1.200.000	SIBOR 6 tháng + 1%	14.488.447.770	11.312.938.711
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Hồ Chí Minh (b)	USD3.000.000	SIBOR 6 tháng + 1%	51.467.729.303	56.718.843.391
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (c)	USD3.700.000	SIBOR 6 tháng + 1,15%	27.157.457.863	16.295.867.426
First Commercial Bank, Chi nhánh Hải Dương(b)	USD2.800.000	SIBOR+1%	38.355.740.862	42.294.604.654

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên năm	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
First Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh(b)	USD3.000.000	SIBOR 1 tháng + 1,20%	16.135.470.104	26.999.071.544
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	USD3.000.000	SIBOR 6 tháng + 1,5%	18.331.750.184	22.669.258.018
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hà Nội(b)	USD1.500.000	SIBOR 6 tháng + 1,5%	33.783.961.828.00	52.178.889.209
Tổng			267.129.980.285	351.531.641.212

- a. Khoản vay từ Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh gồm 2 hạn mức tín dụng mỗi khoản trị giá 3.000.000 USD. Hạn mức tín dụng này được ông Shen Shang Pang, Chủ tịch hội đồng quản trị bảo đảm.
- b. Khoản vay từ Chinfon Bank, Chi nhánh Hà Nội, Chinatrust Commercial Bank, Chi nhánh Hồ Chí Minh, The International Commercial Bank of China, Chi nhánh Hải Dương và Chi nhánh Hồ Chí Minh, First Commercial Bank, Chi nhánh Hải Dương và Chi nhánh Hồ Chí Minh, Hua Nan Commercial Bank Chi nhánh Hồ Chí Minh và chi nhánh Hà Nội được ông Shen Shang Pang, Chủ tịch hội đồng quản trị, bảo đảm.
- c. Khoản vay từ Indovina, Chi nhánh Hồ Chí Minh không có đảm bảo.

10. Phải trả thương mại

Trong phải trả thương mại có các khoản phải trả cho các bên liên quan như sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Phải trả cho Công ty TNHH Dây Cáp điện Taya Đà Loan (Công ty mẹ)	174.918.264.732	156.231.824.649

Khoản phải trả cho Công ty TNHH Dây Cáp điện Taya Đà Loan không bảo đảm, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hoá đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

11. Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.973.148.313	7.998.403.817
Thuế thu nhập cá nhân	175.017.486	460.973.895
	<hr/>	<hr/>
	4.148.165.799	8.459.377.712
	<hr/>	<hr/>

12. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu kỳ	329.340.023
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(23.830.450)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	305.509.573
	<hr/>

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương để thiếu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã góp 71 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: 47 triệu VND) vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận như một phần của chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

13. Vốn góp

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
<hr/>				
Cổ phiếu				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Cổ phiếu ngân quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
<hr/>				
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.930.637	27.892.014	278.740.930.637
<hr/>				

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với những cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

14. Quỹ và dự trữ

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

15. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Thu lãi tiền gửi	7.461.961.028	3.518.760.289
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.567.874.358	380.886.055
	11.029.835.386	3.899.646.344

17. Chi phí tài chính

	1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Chi phí lãi vay	7.962.870.338	7.282.744.717
Lỗ chênh lệch tỷ giá	55.479.699.109	23.233.002.267
	63.442.569.447	30.515.746.984

18. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	-	-
Chi phí thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	562.167.771	373.782.760
	562.167.771	373.782.760

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	21.301.353.800	(5.363.176.749)
Thuế tính theo thuế suất Công ty	2.388.248.420	(804.476.512)
Chi phí không được khấu trừ thuế	563.249.731	245.856.000
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	-	366.656.822
Lỗ tính thuế được sử dụng	(2.389.330.380)	-
Tài sản thuế hoãn lại bị xoá sổ	-	565.746.450
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	562.167.771	373.782.760

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán thuế	Số lỗ được khấu trừ VNĐ
2013	Chưa quyết toán	18.283.308.317
2014	Chưa quyết toán	66.910.674.981
		85.193.983.298

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Trụ sở chính được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2008.

Chi nhánh của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho nhà nước bằng 15% thu nhập chịu thuế trong giai đoạn 12 năm từ ngày Công ty thành lập và 25% cho các giai đoạn sau. Công ty cũng được miễn nộp thuế thu nhập cho nhà nước 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (2006) và được giảm 50% cho 4 năm tiếp theo.

Công ty có thể mang sang lỗ tính thuế phát sinh trong bất cứ năm nào và bù lỗ vào lợi nhuận của những năm tiếp theo cho giai đoạn tối đa là 5 năm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Việc xác định khoản thuế phải trả hiện hành dựa trên diễn giải các qui định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các qui định này sẽ thay đổi định kỳ và sau cùng, khoản thuế phải trả là kết quả kiểm tra của cán bộ thuế.

19. Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Việc tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 dựa trên lãi thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	20.739.186.029	(5.736.959.509)
Lợi nhuận /(lỗ) thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>20.739.186.029</u>	<u>(5.736.959.509)</u>

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	1/1/2011 đến 30/6/2011	1/1/2010 đến 30/6/2010
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	27.892.014	27.892.014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	<u>27.892.014</u>	<u>27.892.014</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm tàng.

20. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ giữa bên liên quan với công ty mẹ, Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đà Nẵng, các thành viên hội đồng quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Các giao dịch với các nhân sự quản lý chủ chốt

Tổng tiền thưởng và phụ cấp công việc trả cho các nhân sự quản lý:

	1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Ban Giám đốc	777.182.750	537,384,000
Hội đồng Quản trị	1.422.560.000	1,121,675,000
	<hr/> 2.199.742.750	<hr/> 1,659,059,000

Trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đà Loan		
Mua nguyên vật liệu	558.938.763.465	364.057.779.350
Phí bản quyền	230.254.482	144.542.726
	<hr/> 2.199.742.750	<hr/> 1,659,059,000

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đà Loan (công ty mẹ cấp cao nhất), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu theo quyền sở hữu của Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đà Loan sở hữu. Bù lại, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần.

21. Cam kết

(a) Chi tiêu đầu tư tài sản

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty có các cam kết chi tiêu đầu tư tài sản được duyệt nhưng chưa được trình bày trong bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Đã duyệt và đã ký hợp đồng	3.480.538.460	-
	<hr/> 3.480.538.460	<hr/> -

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(b) Thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.858.631.244	2.531.057.000
Trong vòng từ hai đến năm năm	11.717.857.184	11.548.088.091
Sau năm năm	75.450.452.072	70.641.764.825
	<hr/>	<hr/>
	92.026.940.500	84.720.909.916
	<hr/>	<hr/>

Khoản chi tiêu hàng năm bao gồm tiền thuê đất cho trụ sở chính của Công ty tại tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với phí tối thiểu trên là 105.247 Đô la Mỹ và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 28.445 Đô la Mỹ cho 50 năm bắt đầu từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất có thể tăng tới mức cao nhất là 15% sau mỗi kỳ 5 năm.

Công ty cũng phải trả phí thuê đất cho chi nhánh của Công ty tại tỉnh Hải Dương. Phí thuê hàng năm là 5.957 Đô la Mỹ từ 8 năm sau khi chi nhánh bắt đầu hoạt động đến ngày 7 tháng 9 năm 2042.

22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	1/1/2011 đến	1/1/2010 đến
	30/6/2011	30/6/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	635.892.679.176	387.437.755.931
Chi phí nhân công trong chi phí sản xuất	18.477.684.527	16.597.390.301
Chi phí khấu hao và phân bổ	13.544.456.676	15.773.299.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.092.794.518	20.186.288.513
Chi phí khác	11.390.255.746	5.341.175.282
	<hr/>	<hr/>

23. Quản trị rủi ro tài chính

Tổng quan

Công ty có các rủi ro như sau trong việc sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Thuyết minh này trình bày thông tin về mỗi loại rủi ro nói trên, mục tiêu, chính sách và qui trình xác định và quản lý rủi ro, và quản lý vốn của Công ty. Các thuyết minh số liệu khác cũng được trình bày xuyên suốt trong các báo cáo tài chính này.

Ban điều hành chịu trách nhiệm toàn diện về việc xây dựng và giám sát cơ cấu quản lý rủi ro của Công ty. Ban điều hành thiết lập các chính sách nhằm nhận định và phân tích các rủi ro mà Công ty sẽ đối mặt, thiết lập những kiểm soát và những giới hạn rủi ro phù hợp, và giám sát rủi ro và các giới hạn. Các hệ thống và các chính sách quản lý rủi ro được thường xuyên xét duyệt nhằm phản ánh các biến động trong điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Thông qua các thủ tục và tiêu chuẩn về quản lý và đào tạo, Ban điều hành hướng tới phát triển một môi trường kiểm soát trên tinh thần xây dựng và kỷ luật mà trong đó mọi nhân viên đều hiểu được vai trò và nghĩa vụ của mình.

(a) Rủi ro tín dụng

Đây là rủi ro về lỗ tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc đối tác liên quan đến công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ của hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tiền, tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền, tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại ngân hàng. Ban điều hành đánh giá tiền và các khoản tương đương tiền có rủi ro tín dụng thấp.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Ban điều hành đã xây dựng chính sách tín dụng theo đó các khách hàng mới được phân tích về khả năng tín dụng và điều kiện về vốn trước khi các điều kiện và điều khoản thanh toán chuẩn và giao nhận được thiết lập.

Công ty lập dự phòng tổn thất thể hiện ước tính về về lỗ phát sinh đối với các phải thu thương mại và phải thu khác. Phần chính của dự phòng này là các khoản dự phòng lỗ cụ thể cho khoản phải thu cụ thể.

Giá trị ghi sổ của phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức rủi ro tối đa.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Tình trạng tuổi nợ của các khoản phải thu tại ngày báo cáo:

	Gộp 30/6/2011 VNĐ	Dự phòng phải thu khó đòi 30/6/2011 VNĐ
Chưa quá hạn	69.358.893.658	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	25.214.451.906	-
Quá hạn 31 – 120 ngày	93.464.085.183	-
Quá hạn hơn 121 ngày	7.652.017.922	898.869.920
	195.689.448.669	898.869.920
	195.689.448.669	898.869.920

Biến động dự phòng phải thu trong kỳ như sau:

	1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Số dư đầu kỳ	898.869.920
Số dư cuối kỳ	898.869.920

(b) Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro mà Công ty sẽ không có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Chính sách của Công ty là quản lý thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến để đảm bảo rằng Công ty vẫn duy trì đủ lượng tiền để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong các khoảng thời gian ngắn và dài hạn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Sau đây là phân loại các khoản nợ tài chính phi phái sinh theo thời điểm đáo hạn của hợp đồng, bao gồm khoản lãi phải trả:

30/6/2011	Giá trị ghi sổ VNĐ	Luồng tiền theo hợp đồng chưa chiết khấu VNĐ	6 tháng hoặc dưới 6 tháng VNĐ	6-12 tháng VNĐ	1-2 năm VNĐ
Phải trả thương mại và phải trả khác	198.101.217.566	198.101.217.566	198.101.217.566	-	-
Các khoản vay ngân hàng	267.129.980.285	270.231.810.245	255.856.434.607	14.375.375.638	-
	465.231.198.641	468.333.028.601	453.957.652.963	14.375.375.638	-

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động giá thị trường như lãi suất và tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty hoặc giá trị các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ. Mục đích của quản lý rủi ro thị trường là để quản lý và kiểm soát trạng thái rủi ro thị trường trong những giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro lãi suất

Mức độ rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các tài sản hưởng lãi và nợ tài chính chịu lãi.

Các tài sản tài chính hưởng lãi

Các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn sau 3 tháng không được gửi vì mục đích đầu cơ mà được gửi để tạo lợi nhuận cao hơn tiền gửi ngân hàng.

Nợ tài chính chịu lãi

Nợ tài chính chịu lãi bao gồm các khoản vay ngân hàng. Các khoản vay chịu lãi suất biến đổi khiến Công ty chịu rủi ro biến động dòng tiền trong khi các khoản vay với lãi suất cố định khiến Công ty chịu rủi ro biến động giá trị hợp lý do biến động lãi suất. Lãi suất và các điều khoản thanh toán các khoản vay ngân hàng chịu lãi của Công ty được trình bày trong thuyết minh số 9.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất thuần bằng cách duy trì các dòng tín dụng hiệu quả để đạt được chi phí cho vay hợp lý và bằng cách liên tục giám sát các rủi ro đó. Ban điều hành không tham gia giao dịch dự phòng rủi ro vì tin rằng chi phí cho các công cụ đó có thể vượt quá rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá có thể xảy ra.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Tại ngày lập báo cáo danh mục lãi suất của các công cụ tài chính có phát sinh lãi của Công ty như sau:

30/06/2011
VND

Công cụ với lãi suất cố định

Tài sản tài chính 86.465.877.161

Công cụ lãi suất biến đổi

Các khoản nợ tài chính 267.129.980.285

Phân tích độ nhạy cảm về giá trị hợp lý đối với những công cụ lãi suất cố định

Công ty không hạch toán bất kỳ khoản nợ hoặc tài sản tài chính có lãi suất cố định theo giá trị hợp lý. Vì vậy, sự biến động lãi suất sẽ không ảnh hưởng đến lãi hoặc lỗ hoặc vốn chủ sở hữu.

Phân tích độ nhạy cảm dòng tiền đối với những công cụ lãi suất biến đổi

Biến động 100 điểm cơ bản về lãi suất tại ngày báo cáo có thể làm tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu và lãi bằng các khoản được trình bày dưới đây. Phân tích này giả định rằng tất cả các tham biến khác, ví dụ tỷ giá hối đoái, không thay đổi.

30/6/2011	Lợi nhuận		Vốn chủ sở hữu	
	100bp Tăng	100bp Giảm	100bp Tăng	100bp Giảm
Công cụ lãi suất biến đổi	(136.221.762)	136.221.762	(136.221.762)	136.221.762
Dòng tiền thuần	(136.221.762)	136.221.762	(136.221.762)	136.221.762

(d) Rủi ro ngoại hối

Công ty chịu rủi ro ngoại hối đối với các giao dịch mua, bán và vay bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ. Loại tiền tệ dẫn đến rủi ro này chủ yếu là Đô la Mỹ.

Công ty bảo đảm rằng trạng thái thuần của rủi ro này được giữ ở mức độ có thể chấp nhận bằng việc mua hoặc bán ngoại hối theo tỷ giá giao ngay khi cần thiết để giải quyết sự mất cân bằng tạm thời. Ban điều hành không tham gia thực hiện các giao dịch dự phòng rủi ro do xét thấy rằng chi phí cho các công cụ này có thể vượt quá rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá có thể xảy ra.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Trạng thái rủi ro ngoại hối của Công ty dưới đồng Đô la Mỹ là như sau, trên cơ sở giá trị thực lượng tương đương như sau:

30/6/2011	VNĐ
Tiền gửi ngân hàng	2.130.283.735
Phải thu thương mại và phải thu khác	97.905.760.912
Các khoản vay chịu lãi	(267.129.980.285)
Phải trả thương mại và phải trả khác	(145.142.756.823)
	<hr/>
Khoản rủi ro gộp trên bảng cân đối kế toán	(312.236.692.461)
	<hr/> <hr/>

Tỷ giá chủ yếu được áp dụng trong năm như sau:

	30/6/2011
	VNĐ
USD	20.618
	<hr/> <hr/>

Phân tích độ nhạy cảm

Nếu Đồng Việt Nam bị suy giảm 8% so với đồng USD tại thời điểm cuối năm, lợi nhuận sẽ giảm bằng khoản được trình bày dưới đây. Phân tích này giả định rằng tất cả các tham biến khác, ví dụ lãi suất, không thay đổi.

	2011
	VNĐ
Lãi lỗ và vốn chủ sở hữu	(24.978.935.397)
	<hr/> <hr/>

Nếu Đồng Việt Nam mạnh lên 8% so với USD, ảnh hưởng tới lợi nhuận sẽ bằng giá trị tuyệt đối trên nhưng theo chiều ngược lại, với giả định các tham biến khác không đổi.

(e) Giá trị hợp lý

Các phương pháp và các giả định sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, các khoản trả thương mại và phải trả khác

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý tương ứng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Các khoản vay Ngân hàng

Giá trị ghi sổ của các khoản vay ngân hàng xấp xỉ giá trị hợp lý dựa trên lãi suất cho vay hiện có đối với các khoản vay của ngân hàng có các điều khoản và thời gian đáo hạn tương tự.

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2011